

Số: 28/2014/QĐ-UBND

Thủ Dầu Một, ngày 25 tháng 7 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung Quyết định số 70/2011/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định một số mức chi đặc thù trong công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bình Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17 tháng 8 năm 2011 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 47/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 22/2014/NQ-HĐND8 ngày 24 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc bổ sung Nghị quyết số 61/2011/NQ-HĐND8 ngày 09 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII quy định một số mức chi đặc thù trong công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp Tờ trình số 745/TTr-STP ngày 24 tháng 7 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung Quyết định số 70/2011/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định một số mức chi đặc thù trong công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bình Dương như sau:

Bổ sung một số mức chi đặc thù trong công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật đối với xã, phường, thị trấn (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Lê Thanh Cung

Phụ lục

BỔ SUNG MỘT SỐ MỨC CHI ĐẶC THÙ TRONG CÔNG TÁC RÀ SOÁT, HỆ THỐNG HÓA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI CÁC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 28/2014/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

| TT | Nội dung chi | Đơn vị tính | Mức chi (1.000 đồng) | Ghi chú |
|----|--|-------------|----------------------|---|
| | | | Cấp xã | |
| 1. | Chi cho các thành viên tham gia họp, hội thảo, tọa đàm để trao đổi nghiệp vụ rà soát, hệ thống hóa văn bản; họp xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản theo yêu cầu, kế hoạch; họp bàn về kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật | | | |
| a) | Chủ trì cuộc họp | người /buổi | 70 | |
| b) | Các thành viên tham dự | người /buổi | 50 | |
| 2. | Chi lấy ý kiến chuyên gia đối với văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp | 01 văn bản | 200 | |
| 3. | Chi soạn thảo, viết báo cáo kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản theo chuyên đề, theo ngành, lĩnh vực | 01 báo cáo | 400 | |
| | Trường hợp phải thuê các chuyên gia bên ngoài cơ quan | 01 báo cáo | 600 | |
| 4. | Chi công bố kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản trên các phương tiện thông tin đại chúng | | | Mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp |
| 5. | Chi xây dựng hệ cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác xây dựng, hoàn thiện văn bản và công tác kiểm tra, rà soát, hệ | | | |

| TT | Nội dung chi | Đơn vị tính | Mức chi (1.000 đồng) | Ghi chú |
|----|---|-------------|----------------------|--|
| | | | Cấp xã | |
| | thống hóa văn bản | | | |
| a) | Chi rà soát, xác định văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực tại thời điểm kiểm tra văn bản để lập hệ cơ sở dữ liệu, làm cơ sở pháp lý phục vụ công tác xây dựng, hoàn thiện văn bản và kiểm tra văn bản. | 01 văn bản | 40 | |
| b) | Chi thu thập, phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, văn bản, trang bị sách, báo, tạp chí... phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu cho công tác xây dựng, hoàn thiện văn bản và kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản | | | |
| - | Đối với việc thu thập những thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, sách báo, tạp chí | | | Được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp |
| - | Đối với việc phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, văn bản mà không có mức giá xác định sẵn | 01 văn bản | 30 | Không áp dụng đối với việc thu thập các văn bản quy phạm pháp luật đã được cập nhật trong các hệ cơ sở dữ liệu điện tử của cơ quan, đơn vị hoặc đăng trên Công báo |
| 6. | Chi cho các hoạt động in ấn, chuẩn bị tài liệu, thu thập các văn bản thuộc đối tượng rà soát, hệ thống hóa văn bản | | | Được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp |
| 7. | Đối với các khoản chi khác: làm đêm, làm thêm giờ, chi phí in ấn, chuẩn bị tài liệu và văn phòng phẩm... | | | Căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp theo quy định hiện hành và được cấp |

| TT | Nội dung chi | Đơn vị tính | Mức chi (1.000 đồng) | Ghi chú |
|----|--------------|-------------|----------------------|--|
| | | | Cấp xã | |
| | | | | có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước khi thực hiện làm căn cứ quyết toán kinh phí |
